

BỆNH VIỆN C ĐÀ NẴNG**KHOA DƯỢC****ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN CỦA THUỐC TỬ TRỰC**

Stt	Tên hoạt chất, hàm lượng/ nồng độ	ĐVT	Tên thuốc	Bảo quản theo nhà sản xuất
	<i>Thuốc gây nghiện</i>			
1	Fentanyl 0.1mg/2ml	ống	Fentanyl-hameln 50mcg/ml Inject	Nhiệt độ không quá 30oC, trong bao bì gốc, tránh ánh sáng. Không đông lạnh
2	Morphin HCl 10mg/ml	ống	Morphin	Nơi khô, nhiệt độ không quá 30oC, tránh ánh sáng
3	Morphin sulfat 30mg	viên	Morphin 30mg	Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
3	Pethidin 100mg/2ml	ống	Pethidine-hameln 50 mg/ml	Dưới 30oC. Không đông lạnh. Bảo quản thuốc trong hộp carton tránh ánh sáng
	<i>Thuốc hướng thần</i>			
4	Diazepam 10mg/2ml	ống	Diazepam 10mg/2ml	Nơi khô, nhiệt độ không quá 30oC, tránh ánh sáng
	<i>Thuốc tiền chất</i>			
5	Ephedrin HCl 30mg/ml	ống	Ephedrine Aguettant 30 mg/ml	Nhiệt độ dưới 30°C
	<i>Thuốc độc</i>			
6	Atracurium 25mg/2.5ml	ống		
7	Atropin sulfat 0.25mg/ml	ống		
8	Bupivacain HCl 5mg/20 ml	lọ	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml	Nhiệt độ dưới 30°C, trong bao bì nhà sản xuất
9	Bupivacain HCl 5mg/ml, 4ml	ống	Marcaïne Spinal Heavy 0,5%	Không bảo quản trên 30°C. Không được đông lạnh.
10	Isofluran 100ml	chai	Forane	Nhiệt độ phòng không quá 30°C.
11	Levobupivacain 0.5% 10ml	ống	Chirocaine	Nhiệt độ trong phòng có kiểm soát 20°C-25°C, cho phép biến động trong khoảng 15-30°C(59-86°F)
12	Neostigmine methylsulfate 0.5mg/1ml	ống	Thuốc tiêm Neostigmine-hameln 0.5mg/ml	Không được bảo quản trên 25°C
13	Propofol 200mg/20ml	lọ	Doneson	Nhiệt độ phòng không quá 30°C
14	Rocuronium Br 50mg/5ml	lọ	Rocuronium Kabi 10 mg/ml	Trong tủ lạnh (ở nhiệt độ 2oC - 8oC)
15	Sevofluran 250ml	lọ	Sevorane	Nhiệt độ không quá 30°C, không để thuốc đóng băng

Stt	Tên hoạt chất, hàm lượng/ nồng độ	DVT	Tên thuốc	Bảo quản theo nhà sản xuất
16	Sodium Valproate 200 mg	viên	Encorate	Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng
	<i>Thuốc thường</i>			
17	Acid acetylsalicylic 81mg	viên	Aspirin 81	Dưới 30°C, ở nơi khô mát, tránh ánh sáng
19	Acetazolamide 250mg	viên	Acetazolamid	Nhiệt độ không quá 30°C
18	Alverin citrat 40mg	viên	Spas-Agi	Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.
19	Amiodarone HCl 200mg	viên	Cordarone 200 mg	Nhiệt độ không quá +30°C
20	Amlodipine 5mg	viên	Amlodac 5	Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
21	Atenolol 50mg	viên	Tenocar 50	Nơi khô, mát (dưới 30°C). Tránh ánh sáng
22	Atorvastatin 10mg	viên	Insuact 10	Nơi khô, nhiệt độ không quá dưới 30°C. Tránh ánh sáng
23	Clorpheniramin maleat 4mg	viên	Clorpheniramin	Dưới 30°C, nơi khô ráo, tránh ánh sáng
24	Clopidogrel 75mg	viên	Plavix 75mg	Nhiệt độ không quá 30°C
25	Digoxin 0.25mg	viên	Digoxin- Richter	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C
28	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm...	viên	Dưỡng tâm an thần	Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C
26	Enalapril maleat 10mg	viên	Ednyt 10mg	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C trong bao bì gốc, tránh ẩm
30	Esomeprazol 20mg	viên	Nexium Mups	Không bảo quản ở nhiệt độ trên 30°C. Bảo quản trong bao bì gốc để tránh ẩm
31	Fexofenadin HCl 60mg	viên	SaViFexo 60	Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C. Tránh ánh sáng
27	Furosemid 40 mg	viên	Agifuros	Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng
28	Gliclazid 30mg	viên	Golddicron	Trong bao bì kín, ở nhiệt độ dưới 30°C
29	Isosorbide dinitrat 10mg	viên	Isosorbid	Dưới 30°C. Nơi khô ráo, tránh ánh sáng
35	Kali clorid 500mg	viên	Kali clorid	Nhiệt độ không quá 30°C, nơi khô ráo, tránh ánh sáng
30	Losartan kali 50mg	viên	SaVi Losartan 50	Không quá 30°C, nơi khô ráo, tránh ánh sáng
31	Metformin HCl 500mg	viên	Metsav 500	Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng
32	Methyldopa 250mg	viên	Dopegyt	Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp
33	Nifedipin 10mg	viên	PymeNife 10	Nơi khô, mát (dưới 30°C), tránh ánh sáng

Stt	Tên hoạt chất, hàm lượng/ nồng độ	DVT	Tên thuốc	Bảo quản theo nhà sản xuất
34	Nifedipin 20mg	viên	Nifedipin Hasan 20 Retard	Nơi khô, dưới 30°C. Tránh ánh sáng
35	Olanzapin 10 mg	viên	Kutab	Dưới 30°C. Tránh ánh sáng
36	Omeprazole 20mg	viên	Kagasdine	Dưới 30°C. Nơi khô ráo, tránh ánh sáng
37	Paracetamol 500mg	viên	Mypara 500	Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
38	Paracetamol 500mg (sủi)	viên	Panadol viên sủi	Nhiệt độ dưới 30°C
39	Theophylin monohydrate 100mg	viên	Theostat L.P	Nhiệt độ dưới 25°C và tránh ẩm
40	Thiamazol 10mg	viên	Thyrozol 10mg	Nhiệt độ không quá 25°C
41	Acetyl leucin 500mg/5ml	ống	Tanganil 500mg	Dưới 30°C
49	Alteplase 50mg	lọ		
42	Adrenalin 1mg/1ml	ống	Adrenalin	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
43	Alpha chymotrypsin 5000 đơn vị USP	lọ	Vintrysine	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
44	Aminophyline 4.8% 5ml	ống		
45	Amiodaron HCl 150mg/3ml	ống	Cordaron 150mg/3ml	Dưới 25°C
54	Calci gluconat 10% 10ml	ống	Gluconate de Calcium Proamp 10%	Nhiệt độ không quá 25°C
46	Ceftriaxon natri 1g	lọ	Spreacef 1g	Nơi khô mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
47	Cefuroxim natri 750mg	lọ	Widxim	Nơi khô mát(dưới 30°C) , tránh ánh sáng
48	Dexamethason 3.3mg/ml	ống	Dexamethason	Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
49	Diclofenac 75mg/3ml	ống	Diclofenac	Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp
50	Digoxin 0.5mg/2ml	ống		
51	Diphenhydramin HCl 10mg/ml	ống	Dimedrol	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
52	Dobutamine 250mg/5ml	lọ	Dobucin	Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng
53	Dopamine HCl 200mg/5ml	ống	Dopamine Hydrochloride	Nhiệt độ dưới 30°C. Tránh ánh sáng. Không làm đông lạnh thuốc
54	Enoxaparin natri 40mg/0.4ml	ống	Lovenox 4000 anti-Xa IU/0,4ml	Nhiệt độ không quá 30°C. Thuốc phải được giữ nguyên trong bao bì trước khi sử dụng
55	Esomeprazol 40mg	lọ	Esogas	Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng

Stt	Tên hoạt chất, hàm lượng/ nồng độ	DVT	Tên thuốc	Bảo quản theo nhà sản xuất
56	Esomeprazol 40mg	lọ	Nexium 40mg	Trong bao bì đóng gói gốc để tránh ánh sáng. Tuy nhiên, các lọ thuốc có thể bảo quản bên ngoài hộp giấy ở ánh sáng thường trong nhà cho đến 24 giờ. Không bảo quản ở nhiệt độ trên 30°C
57	Etomidat 20mg/10ml	ống	Etomidate-Lipuro	Tránh ánh sáng. Không để nơi có nhiệt độ trên 25°C
58	Famotidin 20mg	lọ	Vinfadin	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
59	Furosemid 20mg/2ml	ống	Vinzix	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
60	Gadobutrol 604.72mg/ml, 5ml	Xylanh	Gadovist 1mmol/ml	Dưới 30°C
61	Gadoteric acid 10ml	ống	Dotarem 0,5mmol/ml	Nhiệt độ không quá 30°C
72	Gentamicin 80mg/2ml	ống	Gentamycin 80mg	Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C
62	Glucose 1.5g/5ml	ống	Glucose Kabi 30%	Nhiệt độ không quá 30°C
63	Heparin natri 25000IU/5ml	lọ	Paringold Injection	Trong bao bì kín, ở nhiệt độ dưới 30°C. Không để đông lạnh
64	Globulin kháng độc tố uốn ván 1500 đvqt	ống	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Nhiệt độ từ +2oC đến +8oC, tránh đông băng
65	Hydrocortisone 100mg/2ml	lọ	Hydrocortison	Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng
66	Hyoscine-N-butylbromid 20mg/1ml	ống	Buscopan	Không quá +30°C
67	Insulin hỗn hợp 1000UI/10ml	lọ	INSUNOVA - 30/70 (BIPHASIC)	Trong tủ lạnh ở nhiệt độ 2°C-8°C. Không để đông băng. Có thể bảo quản hỗn dịch ở nhiệt độ phòng(dưới 25°C) trong vòng 6 tuần một khi ống thuốc đã đưa vào sử dụng. Không tiếp xúc với nhiệt và ánh nắng trực tiếp
68	Insulin tác dụng trung bình 1000UI/10ml	lọ	Insunova-N (NPH)	Trong tủ lạnh ở nhiệt độ 2°C-8°C. Không để đông băng. Có thể bảo quản hỗn dịch ở nhiệt độ phòng(dưới 25°C) trong vòng 6 tuần một khi ống thuốc đã đưa vào sử dụng. Không tiếp xúc với nhiệt và ánh nắng trực tiếp
69	Insulin tác dụng nhanh 1000UI/10ml	lọ	Actrapid	Khi đang sử dụng không nên để lọ trong tủ lạnh. Lọ có thể giữ ở nhiệt độ phòng (không quá 30°C) đến 6 tuần sau khi mở lần đầu. Khi chưa sử dụng nên bảo quản trong tủ lạnh ở nhiệt độ 2°C-8°C (không để quá gần ngăn đá). Không làm đông lạnh. Giữ lọ thuốc trong hộp carton để tránh ánh sáng. Lọ thuốc phải để tránh nguồn nhiệt hay ánh sáng quá mức

Stt	Tên hoạt chất, hàm lượng/ nồng độ	DVT	Tên thuốc	Bảo quản theo nhà sản xuất
70	Iopamidol 612.4mg/ml, 50ml	lọ	Iopamiro 300	Không để dung dịch tiếp xúc với ánh sáng. Bảo quản ở nhiệt độ phòng dưới 30°C.
81	Iopamidol 755,3mg/ml, 100ml	lọ	Iopamiro 370	Không để dung dịch tiếp xúc với ánh sáng. Nhiệt độ phòng dưới 30°C
71	Iopromid 0,623g/ml, 50ml	lọ	Ultravist 300	Nhiệt độ dưới +30°C. Tránh tiếp xúc với ánh sáng và các ion phóng xạ khác
72	Kali clorid 10% 10ml	ống	Kali Clorid 10%	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
73	Ketorolac tromethamin 30mg/ml	ống	Daitos Inj.	Trong bao bì kín, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C
74	Lidocain HCl 36 mg + Epinephrine 0,018 mg, 1.8 ml	ống	Medicain	Trong hộp kín, đặt ở nơi tối (dưới 30°C)
75	Lidocain HCl 36 mg + Epinephrin 0,018 mg, 1.8 ml	ống	Lidonalin	Nơi khô ráo, ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
76	Lidocain HCl 40mg/2ml	ống	Lidocain Kabi 2%	Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng
77	Magnesi asparat 400mg + Kali asparat 452mg, 10ml	ống	Panangin	Nơi khô ráo, ở nhiệt độ không quá 30°C
89	Meloxicam 15mg/1,5ml	ống	Mibelcam 15mg/1,5ml	Dưới 30°C, trong bao bì gốc, tránh ánh sáng và ẩm
78	Methyl prednisolone 40mg	lọ	Vinsolon	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
79	Metoclopramid 10mg/2ml	ống	Metoran	Để nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
92	Moxifloxacin 400mg/100ml	chai	Sheric	Nơi mát, dưới 30°C. Tránh ánh sáng. Không để đông lạnh
80	Naloxon 0,4mg/ml	ống		
81	Nicardipin HCl 10mg/10ml	ống	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nhiệt độ dưới 25°C. Bảo quản ống thuốc trong bao bì của nhà sản xuất, tránh ánh sáng
82	Nitroglycerin 5mg/5ml	ống	A.T Nitroglycerin inj	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
83	Nor adrenalin 1mg/1ml	ống	BFS-Noradrenaline 1mg	Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
97	Octreotid acetate 0,1mg/ml	ống	Sandostatin	dài ngày, ống tiêm phải được giữ ở nhiệt độ 2-8 oC. Không được làm đông lạnh. Đối với
84	Pantoprazol 40mg	lọ	Vintolox	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
85	Paracetamol 1g/100ml	chai	Paracetamol Kabi 1000	Nhiệt độ không quá 30°C. Tránh ánh sáng
86	Piracetam 3g/ 15ml	ống	Nootropil	Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C
87	Salbutamol 0,5mg/1ml	ống	Vinsalmol	Nơi khô mát, tránh ánh sáng
88	Terbutalin sulphat 0.5mg/1ml	ống	Bricanyl 0,5mg/ml	Nhiệt độ dưới 30°C và tránh ánh sáng
89	Tinidazol 500mg/100ml	lọ	Sindazol Intravenous Infusion	Nhiệt độ phòng, dưới 30°C. Tránh ánh sáng

Stt	Tên hoạt chất, hàm lượng/ nồng độ	DVT	Tên thuốc	Bảo quản theo nhà sản xuất
90	Tranexamic acid 250mg/5ml	ống	BFS-Tranexamic	Trong bao bì kín, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
91	Phytomenadion 10mg/ml	ống	Vitamin K1 10mg/1ml	Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
92	Attapulgitte hoạt hóa 2.5g + Magnesi carbonat 0.3g + Nhôm hydroxyd 0.2g	gói	Mezapulgite	Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C
93	Diosmectit 3g	gói	Smecta	Nhiệt độ không quá 30°C
94	Glucose khan + Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat, 4.22g	gói	Oresol New	Tránh ánh sáng, không quá 30°C
95	Lactulose 10g/15ml	gói	Duphalac	Không bảo quản ở nhiệt độ trên 30°C. Bảo quản trong bao bì gốc.
96	Macrogol 4000 + Natri sulfat + Natri bicarbonat + Natri clorid + Kali clorid, 73.69g	gói	Fortrans	Nhiệt độ không quá 30°C
97	Sorbitol 5g	gói	Sorbitol	Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
98	Betaxolol HCl 0.25% 5ml	lọ	Betoptic S	Nhiệt độ 8°C - 30°C.
99	Fenoterol 500mcg/ml +IpratropiumHBr 250mcg/ml, 20ml	lọ	Berodual	Dưới 30°C
100	Natri clorid 0.9 % 10 ml	lọ	Natri Clorid 0,9%	Nơi khô mát, tránh ánh sáng trực tiếp, nhiệt độ dưới 30°C
101	Glyceryl trinitrate 80mg/10g	lọ	Nitromint	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C
102	Proparacain 0.5 % 15 ml	lọ	Alcaine	Trong tủ lạnh (2 oC - 8 oC)
103	Salbutamol 100mcg/liều, 200 liều	lọ	Ventolin Inhaler	Dưới 30°C. Tránh đông lạnh và ánh sáng mặt trời trực tiếp. Giống như hầu hết các thuốc hít đựng trong bình xịt, hiệu quả điều trị của thuốc có thể giảm đi khi bình xịt bị làm lạnh. Không nên đâm thủng, làm vỡ hay đốt bình chứa thuốc xịt kể cả khi bình hoàn toàn hết thuốc.
104	Salbutamol 5mg/2.5ml (khí dung)	tép	Ventolin Nebules	Không quá 30°C, Nebules phải được bảo quản tránh ánh sáng (bằng cách để vỉ Nebules trong khay nhôm đựng thuốc cất trong hộp). Những ống Nebules không được sử dụng sau 3 tháng kể từ khi mở vỉ nhôm cần được bỏ đi.
105	Xylometazoline HCl 0.1% 10ml	lọ	Otrivin	Dưới 30°C. Tránh nóng
106	Lidocaine HCl 20mg/1g, 30g	tuýp	Xylocaine Jelly 2%	Không bảo quản trên 30°C. Không được đông lạnh

Stt	Tên hoạt chất, hàm lượng/ nồng độ	DVT	Tên thuốc	Bảo quản theo nhà sản xuất
107	Nước cất pha tiêm 5ml	ống	Nước cất tiêm	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
	<i>Dịch truyền</i>			
108	Dd Glucose 10% 500ml	chai	Glucose 10%	Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng
109	Dd Glucose 30% 500ml	chai	Glucose 30%	Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ẩm
110	Dd Glucose 5% 500ml	chai	Glucose 5%	Nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng
125	Dd Natri clorid + kali clorid + ..., 500ml	chai	Glucolyte-2	Nhiệt độ phòng dưới 30°C
111	Dd Manitol 20% 250ml	chai	Manitol	Nhiệt độ không quá 30°C. Tránh để đóng băng
112	Dd Natri clorid 0.9% 500ml	chai	Natri Clorid 0,9%	Nhiệt độ không quá 30°C
113	Dd Natri clorid 10% 250ml	chai	Natri Clorid 10%	Nhiệt độ không quá 30°C
114	Dd Natri hydrocarbonat 1.4% 500ml	chai	Natri Bicarbonat 1,4%	Nhiệt độ không quá 30oC, tránh ánh sáng
115	Dd Natri hydrocarbonat 4.2% 250ml	chai	4.2% w/v Sodium Bicarbonate	Nơi khô, dưới 30°C
116	Dd Ringer lactat 500ml	chai	Ringer Lactate	Nhiệt độ không quá 30°C
117	Hydroxyetyl starch 6% 500ml	túi	Voluven	Nhiệt độ không quá 30°C. Không đông lạnh.
134	Nhũ dịch lipid 20%	chai		
118	Nước cất pha tiêm 500ml	chai	Nước cất pha tiêm	Tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C
	<i>Khác</i>			
119	Dd Natri clorid 0.9% 1000ml (rửa)	chai	Natri Clorid 0,9%	Nhiệt độ phòng
120	Dd Sorbitol 3,3% 500ml	chai	Sorbitol 3,3%	Tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ẩm
121	Povidon iod 10% 125ml	lọ	Povidon-Iod HD	Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng
	<i>Hộp thuốc cấp cứu phản vệ</i>			
122	Adrenalin 1mg/1ml	ống	Adrenalin	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
123	Diphenhydramin HCl 10mg/ml	ống	Dimedrol	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
124	Methyl prednisolone 40mg	lọ	Vinsolon	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng
125	Nước cất pha tiêm 5ml	ống	Nước cất tiêm	Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng

Ghi chú:

* Bảo quản điều kiện thường: Bảo quản trong môi trường khô (độ ẩm 75%), ở nhiệt độ từ 15-30 oC. Trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, tại một số thời điểm trong ngày, nhiệt độ có thể trên 30 oC nhưng không vượt quá 32 oC và độ ẩm không vượt quá 80%. Phải thoáng khí, tránh ảnh hưởng từ các mùi, các yếu tố gây tạt nhiễm và ánh sáng mạnh. Nếu trên nhãn không ghi rõ điều kiện bảo quản thì bảo quản ở điều kiện thường.

* Hướng dẫn về điều kiện bảo quản cụ thể

Thông tin trên nhãn

Yêu cầu về điều kiện bảo quản

"Không bảo quản quá 30 oC"	từ +2 oC đến +30 oC
"Không bảo quản quá 25 oC"	từ +2 oC đến +25 oC
"Không bảo quản quá 15 oC"	từ +2 oC đến +15 oC
"Không bảo quản quá 8 oC"	từ +2 oC đến +8 oC
"Không bảo quản dưới 8 oC"	từ +8 oC đến +25 oC
"Bảo quản lạnh"	từ +2 oC đến +8 oC
"Bảo quản mát"	từ +8 oC đến +15 oC
"Khô", "Tránh ẩm"	không quá 75% độ ẩm tương đối trong điều kiện bảo quản thường; hoặc với điều kiện được chứa trong bao bì chống thấm đến tận tay người bệnh
"Tránh ánh sáng"	bảo quản trong bao bì tránh ánh sáng đến tận tay người bệnh